

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 8 - 2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Toàn

2. Bà Lê Thị Trà Giang

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ
Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 04/8/2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLS-HNGĐ ngày 04/02/2020 về
việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Thanh M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Quỹ tín dụng nhân dân xã M. Người đại diện theo pháp luật: Ông
Nguyễn Văn Đ, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt.

- Chị Dương Thanh B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1934

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt.

- Anh Lê Văn D, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị
xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 02/02/2020, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy trình bày: Chị và anh Dương Thanh M chung sống với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 09/02/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng ra làm nhà ở riêng tại thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân do anh Minh có tính hay ghen tuông, không tin tưởng về tình cảm nên thường xuyên chửi bới chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Thanh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Khánh V, sinh ngày 20/01/2011 hiện nay đang sống cùng chị, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng. Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 301m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Thanh M và Nguyễn Thị T, có giá khoảng 200 triệu đồng; 01 ngôi nhà cấp 3 có diện tích 110m² trị giá khoảng 350 triệu đồng; 01 tivi có giá khoảng 5 triệu đồng; 01 tủ lạnh có giá khoảng 3 triệu đồng; 01 máy ảnh có giá khoảng 15 triệu đồng; 10 cái áo cưới có giá khoảng 01 triệu đồng; 01 xe Honda Lead có giá khoảng 15 triệu đồng; 02 tủ kính quần có giá khoảng 2 triệu đồng. Tổng tài sản chung của vợ chồng là 587 triệu đồng. Trừ xe Lead và máy ảnh chị T đang quản lý sử dụng còn lại tất cả các tài sản khác anh M đang quản lý sử dụng. Về nợ chung: Vợ chồng nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã M số tiền 300 triệu đồng; nợ ông Nguyễn Ngọc T số tiền 50 triệu đồng; nợ anh Lê Văn D số tiền 20 triệu đồng; nợ chị Nguyễn Thị D số tiền 10 triệu đồng; nợ chị Dương Thanh B số tiền 20 triệu đồng và nợ chị Nguyễn Thị T số tiền 20 triệu đồng. Tổng nợ chung của hai vợ chồng là 420 triệu đồng. Chị T có nguyện vọng chia đôi tài sản chung và nợ chung, chị xin nhận toàn bộ tài sản chung và chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng. Số tài sản còn lại chị T sẽ giao ½ tiền chênh lệch tài sản cho anh M.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Dương Thanh M trình bày: Quá trình kết hôn giống như chị T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T ngoại tình với người đàn ông khác. Sau khi chị T nộp đơn đến Tòa án, anh M cũng mong muốn vợ chồng bỏ qua cho nhau để quay lại chăm lo hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng chị T nhất quyết không chịu, vì vậy anh M đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung

tên là Dương Khánh V, sinh ngày 20/01/2011. Anh M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh Minh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 301m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Thanh M và Nguyễn Thị T, trị giá khoảng 200 triệu đồng; 01 ngôi nhà cấp 3 có diện tích 110m² trị giá khoảng 500 triệu đồng; 01 tivi có giá khoảng 6 triệu đồng; 01 tủ lạnh có giá khoảng 6 triệu đồng; 01 máy ảnh có giá khoảng 30 triệu đồng; 10 cái áo cưới có giá khoảng 05 triệu đồng; 01 xe Honda Lead có giá khoảng 40 triệu đồng; 02 tủ kính có giá khoảng 2 triệu đồng. Tổng tài sản chung của vợ chồng là 789 triệu đồng. Về nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã M số tiền 300 triệu đồng; nợ ông Nguyễn Ngọc T số tiền 50 triệu đồng; mượn anh Lê Văn D số tiền 20 triệu đồng; nợ chị Nguyễn Thị D số tiền 10 triệu đồng; nợ chị Dương Thanh B số tiền 20 triệu đồng và nợ chị Nguyễn Thị T số tiền 20 triệu đồng. Tổng nợ chung của hai vợ chồng là 420 triệu đồng. Về tài sản chung và nợ chung, anh M có nguyện vọng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết, anh xin nhận toàn bộ tài sản chung và chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng. Số tài sản còn lại anh M sẽ giao tiền chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị T. Anh M thừa nhận trừ xe máy Lead và máy ảnh chị T đang quản lý sử dụng các tài sản còn lại do anh quản lý và sử dụng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân xã M trình bày: Quỹ tín dụng có cho bà Nguyễn Thị T và ông Dương Thanh M vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay 01 năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/9/2020. Hiện nay ông M, bà T làm thủ tục ly hôn, đại diện Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Dương Thanh M trả nợ gốc số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết hoặc trường hợp Tòa án giao tài sản đã thế chấp tại Quỹ tín dụng cho bên nào sử dụng thì yêu cầu người đó phải thanh toán đủ nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã M. Ngày 22 tháng 5 năm 2020, Quỹ tín dụng nhân dân xã M nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thanh B trình bày: Vào năm 2017, chị có cho vợ chồng M, T mượn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để làm nhà ở, đến nay được biết Minh, T ra tòa để ly hôn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng M, T hoàn trả số tiền trên cho chị; cùng ngày 21/5/2020, chị B nộp đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Vào năm 2017, ông có cho vợ chồng T, M mượn số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), theo thông báo của Tòa án, được biết T, M đang làm thủ tục ly hôn nên ông T viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và buộc vợ chồng M, T hoàn trả số tiền trên cho ông.

Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 2017, chị có cho vợ chồng T, M mượn số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), theo thông báo của Tòa, được biết T, M đang ra tòa ly hôn nên chị D viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và buộc vợ chồng M, T hoàn trả số tiền trên cho chị.

Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Vào năm 2017, chị có cho vợ chồng T, M mượn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), theo thông báo của Tòa, được biết T, M ra tòa ly hôn nên chị T1 viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và buộc vợ chồng M, T hoàn trả số tiền trên cho chị.

Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn D trình bày: Vào năm 2017, anh có cho vợ chồng T, M mượn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), theo thông báo của Tòa, được biết T, M ra tòa ly hôn nên anh D viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và buộc vợ chồng M, T hoàn trả số tiền trên cho anh.

Ngày 25/6/2020, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp văn bản trình bày về việc chị Nguyễn Thị T và anh Dương Thanh M đã trả nợ để Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 26/6/2020, chị T, anh M trình bày: Về quan hệ tình cảm và quan hệ con cái, chị T và anh M giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xin rút yêu cầu giải quyết toàn bộ tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận phân chia và anh M cũng đồng ý với yêu cầu của chị T. Ngày 27/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy thông báo cho các đương sự về việc người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến, quan điểm về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung; chị T trình bày đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và trả hết nợ cho những người có quyền lợi liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ con cái, chị T giữ nguyên yêu cầu, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Minh đồng ý ly hôn với chị T, xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu tài sản chung vì anh và chị T đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và trả hết nợ cho những người có quyền lợi liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Thanh M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có khoảng thời gian hạnh phúc bên nhau. Lẽ ra anh, chị phải thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng hôn nhân bền vững. Tuy nhiên, vợ chồng không hợp tính tình, hai bên thiếu sự thông cảm, chia sẻ trong cuộc sống. Chị T thì cho rằng anh M ghen tuông vô cớ, anh M trình bày chị T ngoại tình nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết xin được ly hôn anh M; anh M lúc đầu thuyết phục chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn nên anh M đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Thanh M là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Dương Khánh V, sinh ngày 20/01/2011, chứng tỏ cả anh và chị đều rất thương yêu con chung. Tuy nhiên, cháu V đang còn nhỏ, hiện tại đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tại bản tự khai ngày 26/02/2020, cháu Dương Khánh V trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ em, sau khi cân nhắc các điều kiện đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con cái của anh M, chị T, Hội đồng xét xử nhất trí giao con chung Dương Khánh V, sinh ngày 20/01/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con Dương Khánh V cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều trình bày về việc chị Nguyễn Thị T và anh Dương Thanh M đã trả nợ; Tòa án thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, những người có quyền lợi liên quan về việc chị T rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung do chị Thúy và anh M đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và trả hết nợ cho những người có quyền lợi liên quan; anh M cũng đồng ý với yêu cầu của chị T vì đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và trả hết nợ chung cho những người có quyền lợi liên quan. Xét việc thay đổi yêu cầu của chị T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Thanh M.

2/ Về quan hệ con cái: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Khánh V, sinh ngày 20/01/2011; buộc anh Minh phải cấp dưỡng nuôi con Dương Khánh V cùng chị Thúy mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản: Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị T.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Dương Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; tiền án phí ly hôn chị Thúy phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 19.575.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0005955 ngày 04 tháng 02 năm 2020. Chị Thúy được hoàn trả số tiền 19.275.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

5/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/8/2020) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã Mai Thủy;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn